

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

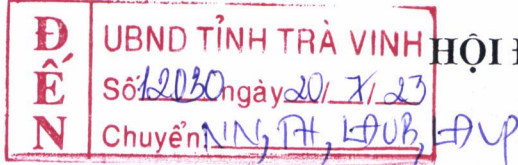
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án
cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Đất đai được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực tại Văn bản hợp
nhất số 04/VBHN-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2021;

Xét Tờ trình số 2249/TTr-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các
công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;
báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án
cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, như sau:

Tổng số 20 công trình, dự án với tổng diện tích đất 75,62ha, tổng nhu cầu
vốn để giải phóng mặt bằng (GPMB) 953.031 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Đăng ký mới: 09 công trình, dự án với quy mô diện tích khoảng 6,52ha,
tổng nhu cầu vốn để GPMB là 27.640 triệu đồng.

2. Đăng ký chuyển tiếp: 03 công trình, dự án với quy mô diện tích khoảng
10,83ha, tổng nhu cầu vốn GPMB là 2.000 triệu đồng.

3. Đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: Tổng số 08 công trình, dự án với quy
mô diện tích khoảng 58,27ha, tổng nhu cầu vốn GPMB là 923.391 triệu đồng.

(Đính kèm Phụ lục)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp 9, thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023./. *KW*

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: TN và MT, KH và ĐT;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: TN và MT, KH và ĐT, TC, TP, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THỦ HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
 (THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI)
 (Cập theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích cấp thửa hồi (hà) | Nguồn vốn giải phóng mặt bằng | | Địa điểm thực hiện dự án (kác định đến xã/huyện/thị xã/thành phố) | Chủ đầu tư | Cơ sở pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản) | Ghi chú |
|--|---|-----------------------------|-------------------------------|-----------|---|---------------------------------------|---|--|
| | | | Mức vốn (trệu đồng) | Nguồn vốn | | | | |
| TỔNG CỘNG: 20 công trình, dự án (trong đó đăng ký mới 09 công trình, dự án; chuyên tiếp 03 công trình, dự án; chuyển tiếp, điều chỉnh 08 công trình, dự án) | | | | | | | | |
| 1 | CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN: | 41,66 | 48.798 | | | | | |
| L1 | THÀNH PHỐ TRÀ VINH: 01 công trình, dự án đăng ký mới | 0,03 | 2.500 | | | | | |
| A | Công trình, dự án đăng ký mới: 01 công trình, dự án | 0,03 | 2.500 | | | | | |
| 1 | Xây dựng đường vào trụ sở UBND Phường 8, thành phố Trà Vinh | 0,03 | 2.500 | NSNN | Phường 8 | Ban QL các DABTXD TPTV | Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 13/4/2023 của HĐND thành phố Trà Vinh; QĐ số 924/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của CT UBND TPTV. | HĐND thành phố Trà Vinh điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 (nguồn vốn NSTP quản lý) tại NQ số 03/NQ-HĐND ngày 13/4/2023 của thành phố Trà Vinh; |
| L2 | HUYỆN DUYÊN HẢI: 04 công trình, dự án (trong đó, có 03 công trình, dự án đăng ký mới và 01 công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh) | 13,26 | 5.990 | | | | | |
| A | Công trình, dự án đăng ký mới: 03 công trình, dự án | 2,03 | 5.990 | | | | | |
| 1 | Di dân khẩn cấp sơ cớ sát lở bờ biển khu vực Cồn Nhàn, ấp Đông Thành, ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh | 0,50 | 1.150 | NSNN | Xã Đông Hải | Sở NN&PTNT | QĐ số 473/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 và QĐ số 695/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của CT UBND tỉnh. | |
| 2 | Đường dẫn vào bến phà kết nối 04 xã đảo với trung tâm hành chính huyện Duyên Hải | 0,78 | 2.340 | NSNN | Xã Ngự Lạc, xã Long Khánh | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Duyên Hải | Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của CT UBND huyện Duyên Hải | |
| 3 | Xây dựng sân vận động xã Đồn Xuân | 0,75 | 2.500 | NSNN | Xã Đồn Xuân | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Duyên Hải | Quyết định số 980/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của CT UBND huyện Duyên Hải | |
| B | Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 01 công trình, dự án | 11,23 | | | | | | |
| 1 | Nhà máy điện gió Duyên Hải | 11,23 | | DN | Xã Đông Hải, xã Long Khánh, xã Ngự Lạc | Doanh nghiệp | - Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 9/12/2021; - Quyết định chủ trương đầu tư (CTĐT) số 3581/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; Quyết định điều chỉnh CTĐT số 4019/QĐ-UBND ngày 23/12/2020; Quyết định điều chỉnh CTĐT số 2605/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 | Điều chỉnh STT 2, điểm B, mục 1.2, Phụ lục II Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh (điều chỉnh tên từ "Nhà máy điện gió Duyên Hải - 48 MW" thành "Nhà máy điện gió Duyên Hải"); L1 do: Theo QĐ số 3581/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND tỉnh và phù hợp thực tế triển khai thực hiện. |
| L3 | HUYỆN CĂNG LÔNG: 01 công trình, dự án đăng ký mới | 0,85 | 3.000 | | | | | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích cần thu hồi (ha) | Nguồn vốn giải phóng mặt bằng | | Địa điểm thực hiện dự án (xác định đến xã.....huyện/thị xã/thành phố) | Chủ đầu tư | Căn cứ pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản) | Ghi chú |
|-----|---|----------------------------|-------------------------------|--|---|----------------------------------|---|---|
| | | | Mức vốn (triệu đồng) | Nguồn vốn | | | | |
| A | Công trình, dự án đăng ký mới: 01 công trình, dự án | 0,85 | 3.000 | | | | | |
| 1 | Sân vận động xã An Trường A | 0,85 | 3.000 | NSNN | Xã An Trường A | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Cầu Long | Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND huyện Cầu Long. | Nhu cầu cấp thiết của huyện Đề xã An Trường A đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao theo Nghị quyết của Huyện ủy năm 2023 |
| I.4 | HUYỆN CẦU KÈ: 02 công trình, dự án đăng ký mới | 1,60 | 10.000 | | | | | |
| A | Công trình, dự án đăng ký mới: 02 công trình, dự án | 1,60 | 10.000 | | | | | |
| 1 | Nhà máy xử lý nước thải huyện Cầu Kè | 1,00 | 7.000 | NSNN | Xã Hòa Tân | UBND huyện | Ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 1684-TB/VPTU ngày 31/3/2023 của VP Tỉnh ủy Trà Vinh; Ý kiến chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy Cầu Kè tại Công văn số 1238-CV/HU ngày 11/4/2023; Quyết định số 1832/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND huyện Cầu Kè về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Nhà máy xử lý nước thải huyện Cầu Kè | Nhu cầu cấp thiết của huyện thực hiện dự án để đạt tiêu số 7 - Bộ tiêu chí nông thôn mới tại Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh; |
| 2 | Nâng cấp, mở rộng bãi rác huyện-Cầu Kè | 0,60 | 3.000 | NSNN | Xã Hòa Ấn | UBND huyện | Ý kiến chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy tại Thông báo số 66-TB/VPHTU ngày 03/4/2023 của VP Huyện ủy Cầu Kè. | Nhu cầu cấp thiết của huyện thực hiện dự án để đạt tiêu số 7 - Bộ tiêu chí nông thôn mới tại Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh |
| I.5 | HUYỆN CẦU NGANG: 02 công trình, dự án chuyển tiếp, điều chỉnh | 0,83 | 1.920 | | | | | |
| A | Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 02 công trình, dự án | 0,83 | 1.920 | | | | | |
| 1 | Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang | 0,53 | 920 | Từ nguồn vốn tài trợ của quỹ cộng đồng phòng tránh thiên tai và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm | Xã Long Sơn | Trung tâm NS&VSMINT | Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; Dự án được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận đầu tư dự án tại Công văn số 5179/UBND-NN ngày 15/11/2022. | Điều chỉnh STT 4, điểm A, mục I.6, Phụ lục II Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (điều chỉnh tên từ "Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang" thành "Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang"; điều chỉnh tăng diện tích thu hồi đất từ "0,3" thành "0,53"; điều chỉnh tăng mức vốn từ "780 triệu đồng" thành "920 triệu đồng"); Li do: Theo CV số 5179/UBND-NN ngày 15/11/2022 của CT UBND tỉnh và phù hợp thực tế triển khai thực hiện. |
| 2 | Trường THCS Hiệp Hòa (HM: San lấp mặt bằng, hàng rào, bồi hoàn) | 0,30 | 1.000 | NSNN | Xã Hiệp Hòa | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Cầu Ngang | Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Cầu Ngang. | Điều chỉnh STT 5, điểm A, mục I.6, Phụ lục II Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (điều chỉnh tên từ "Trường THCS Hiệp Hòa" thành "Trường THCS Hiệp Hòa (HM: San lấp mặt bằng, hàng rào, bồi hoàn)"); Li do: Đúng theo QĐ số 3326/QĐ-UBND ngày 14/11/2022; Do sai sót trong quá trình đăng ký, tổng hợp nên nay xin điều chỉnh để phù hợp điều kiện triển khai thực hiện dự án. |
| I.6 | THị xã DUYÊN HẢI: 02 công trình, dự án (Trong đó: 01 công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp; 01 công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh) | 1,40 | 17.125 | | | | | |

KW

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích cần thu hồi (ha) | Nguồn vốn giải phóng mặt bằng | | Địa điểm thực hiện dự án (xác định đến xã/huyện/thị xã/thành phố) | Chức danh tư | Cơ sở pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản) | Ghi chú |
|-----|---|----------------------------|-------------------------------|-----------|---|---|--|--|
| | | | Mức vốn (triệu đồng) | Nguồn vốn | | | | |
| A | Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 01 công trình, dự án | 0,56 | | | | | | |
| 1 | Trạm biến áp 110KV Dân Thành và đường dây đầu nối | 0,56 | | DN | Xã Long Toàn | Doanh nghiệp | Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh | Chuyển tiếp từ năm 2022 sang năm 2023 để đủ cơ sở triển khai thực hiện thu hồi đất theo đề nghị của Doanh nghiệp (Công ty Điện lực TV) tại Văn bản số 2042/PCTV-QLDA ngày 04/5/2023. |
| B | Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 01 công trình, dự án | 0,84 | 17.128 | | | | | |
| 1 | Đường hành lang ven biển phát triển du lịch biển Ba Đông | 0,84 | 17.128 | NSNN | Trương Long Hòa | Ban QLDA ĐTXD Khu vực TXDH | Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3763/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của CT UBND tỉnh. | Điều chỉnh STT 2, điểm IV/2, mục IV, Phụ lục II Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh: - Điều chỉnh tên dự án từ "Xây dựng Đường hành lang ven biển phát triển du lịch biển Ba Đông" thành "Đường hành lang ven biển phát triển du lịch biển Ba Đông"; Lý do: Cho phù hợp với tên dự án được HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 và tên dự án được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3763/QĐ-UBND ngày 25/11/2020; - Điều chỉnh giám tích thu hồi đất từ "10,65 ha" thành "0,84 ha" và điều chỉnh giám mức vốn từ "63.900 triệu đồng" thành "17.128 triệu đồng"; Lý do: phù hợp thực tế triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung quy mô của dự án tại Công văn số 5852/UBND-CNXD ngày 26/12/2022. |
| 1.7 | HUYỆN TIÊU CÀN: 01 công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp | 9,77 | | | | | | |
| A | Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 01 công trình, dự án | 9,77 | | | | | | |
| 1 | Khu dân cư thị trấn Tiêu Càn | 9,77 | | DN | Thị trấn Tiêu Càn, xã Phú Càn | Thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định, khi Doanh nghiệp được lựa chọn thực hiện dự án sẽ ứng tiền để thực hiện GPMB | - Luật đầu tư năm 2020 và điểm b, khoản 2, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ; - Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh | Làm cơ sở để bổ sung hồ sơ trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ. |
| 1.8 | HUYỆN TRÁ CÚ: 05 công trình, dự án (Trong đó: có công trình, dự án đăng ký mới; 01 công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp; 02 công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh) | 13,92 | 8.260 | | | | | |
| A | Công trình, dự án đăng ký mới: 02 công trình, dự án | 2,01 | 6.150 | | | | | |
| 1 | Di dân khẩn cấp khu vực sát tờ nguy hiểm xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh | 2,00 | 6.000 | NSNN | Xã Định An | Sở NN&PTNT | Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 và Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của CT UBND tỉnh. | |
| 2 | Nhà Ban quản lý và nhà vệ sinh công cộng chợ Tập Sơn | 0,01 | 150 | NSNN | Xã Tập Sơn | UBND huyện | Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 của HĐND huyện Trà Cú | Do huyện cần đất tiêu chí 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn để ưu tiên triển khai đầu tư xây dựng năm 2023. |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích cần thu hồi (ha) | Nguồn vốn giải phóng mặt bằng | | Địa điểm thực hiện dự án (xác định đến xã.....huyện/thị xã/thành phố) | Chủ đầu tư | Cơ sở pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản) | Ghi chú |
|-----|---|----------------------------|-------------------------------|-----------|---|----------------------------|---|--|
| | | | Mức vốn (triệu đồng) | Nguồn vốn | | | | |
| B | Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 01 công trình, dự án | 0,50 | 2.000 | | | | | |
| 1 | Trường Tiểu học Kim Sơn | 0,50 | 2.000 | NSNN | Xã Kim Sơn | UBND huyện | Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh; | Chuyển tiếp sang thực hiện trong năm 2023 và công trình cấp bách cần thực hiện đạt tiêu chí xây dựng trường học đạt chuẩn nông thôn mới; |
| C | Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 02 công trình, dự án | 11,41 | 110 | | | | | |
| 1 | Đầu tư xây dựng 15 Trạm bơm điện - Kênh bê tông phục vụ sản xuất nông nghiệp (05 vị trí tại các xã: Ngọc Biên, Long Hiệp, Tân Hiệp, Ngãi Xuyên, Tân Sơn, Tập Sơn) | 0,03 | 110 | NSNN | Xã Ngọc Biên | Ban QLDAĐTXD các CTNN&PTNT | Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh. | Chuyển tiếp sang thực hiện trong năm 2023 và điều chỉnh diện tích, mức vốn, địa điểm (để thực hiện vị trí xã Ngãi Xuyên do các vị trí còn lại đã thực hiện xong); |
| 2 | Nhà máy điện sinh khối Trà Vinh | 11,38 | DN | | Xã Ngãi Xuyên, xã Lưu Nghiệp Anh | Doanh nghiệp | - Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; - Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 và Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh; - Được CT UBND tỉnh chấp thuận thỏa thuận hướng tuyến đường dây đầu nối 110kV dự án Nhà máy điện sinh khối Trà Vinh tại Công văn số 1791/UBND-CNXD ngày 02/5/2023 | Điều chỉnh STT 1, điểm B, mục I.9, Phụ lục II Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (điều chỉnh tăng diện tích thu hồi đất từ "11,10 ha" thành "11,38 ha"); Lý do: Bổ sung diện tích thu hồi 0,28ha đất để thực hiện hướng tuyến đường dây đầu nối 110kV dự án Nhà máy điện sinh khối Trà Vinh được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 1791/UBND-CNXD ngày 02/5/2023. |
| II | CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN LIÊN HUYỆN: 02 công trình, dự án | 33,96 | 904.233 | | | | | |
| A | Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 02 công trình, dự án | 33,96 | 904.233 | | | | | |
| 1 | Hạ tầng Hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thê đảm bảo an ninh nguồn nước các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh (gạt đoạn 1) | 33,12 | 904.233 | NSNN | Huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh | Ban QLDAĐTXD các CTNN&PTNT | Ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Trà Vinh tại Thông báo số 1708-TB/VPTU ngày 14/4/2023 và Thông báo số 1744-TB/VPTU ngày 28/4/2023; NQ số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; | Điều chỉnh STT 1, điểm B, mục II, Phụ lục II Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (điều chỉnh tăng diện tích thu hồi đất từ "30,96 ha" thành "33,12 ha"; điều chỉnh tăng mức vốn từ "855.533 triệu đồng" thành "904.233 triệu đồng") |
| 2 | Cắt tạo năng tiết điện dây phân pha từ ACSR240 thành 2 ACSR240 từ Trà Vinh đi Duyên Hải (Duyên Trà) | 0,84 | DN | | Các huyện: Cầu Ngang, Châu Thành, Duyên Hải và Trà Cú | Doanh nghiệp | Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 924/QĐ-EVNSPC ngày 07/6/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Nam. | Điều chỉnh STT 6, điểm A, mục II, Phụ lục II Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (điều chỉnh tăng diện tích thu hồi đất từ "0,28 ha" thành "0,84 ha"; bổ sung địa điểm thực hiện dự án: huyện Trà Cú); Lý do: Cho phù hợp với diện tích và địa điểm thực hiện dự án đã được Tổng Công ty Điện lực miền Nam phê duyệt. |

KV